

Số: 257/TB-MNTLH

Cú Chi, ngày 02 tháng 7 năm 2024

THÔNG BÁO

Về Niêm yết công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách nhà nước
quý II/2024 và các khoản thu chi tại đơn vị
theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC và Thông tư 90/2018/TT-BTC

Hôm nay, hồi 8 giờ 00 ngày 02 tháng 7 năm 2024.

Tại Trường Mầm non Trung Lập Hạ.

Chúng tôi gồm:

- Bà Nguyễn Thị Minh Thu – Hiệu trưởng
- Bà Phạm Thị Hồng Nhũ - Phó hiệu trưởng
- Bà Lý Thị Hồng Vân - Phó hiệu trưởng
- Bà Tô Thị Kiều Phương – Chủ tịch công đoàn
- Bà Nguyễn Thị Kiều Nhi - Tổ trưởng Khối Mầm - Chồi
- Bà Lê Thị Huyền - Tổ trưởng Khối Lá
- Ông Đặng Thanh Nhã – Tổ trưởng văn phòng - Kiểm văn thư
- Bà Đỗ Thị Ly – Kế toán

Tiến hành niêm yết Quyết định số 158/QĐ-MNTLH ngày 02 tháng 7 năm 2024 (đính kèm biểu mẫu)

Việc niêm yết được thực hiện từ ngày 02/07/2024 đến hết ngày 01/08/2024 công khai rộng rãi cho cán bộ giáo viên, công nhân viên nhà trường biết./.

BỘ PHẬN:

- Bà Phạm Thị Hồng Nhũ.....*nmh*
- Bà Tô Thị Kiều Phương.....*Thuuu*
- Bà Nguyễn Thị Kiều Nhi.....*Kn*



Nguyễn Thị Minh Thu

Số: 258/QĐ-MNTLH

Củ Chi, ngày 02 tháng 07 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách nhà nước quý II năm 2024 và các khoản thu chi tại đơn vị tháng 04,05,06/2024 theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC và Thông tư 90/2018/TT-BTC.

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON TRUNG LẬP HẠ

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ – CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT – BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài Chính; Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT – BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Xét đề nghị của bộ phận tài vụ Trường Mầm Non Trung Lập Hạ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai thực hiện dự toán thu chi ngân nhà nước và các khoản thu chi tại đơn vị quý II/2024 (theo biểu số 3 đính kèm).

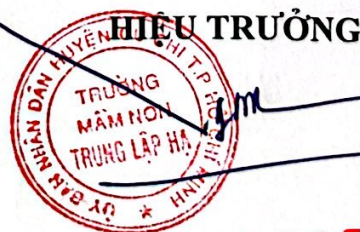
Điều 2: Hình thức niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của đơn vị, trong Hội đồng sư phạm của đơn vị và trang web trường: <https://mntrunglapha.hcm.edu.vn>.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 4: Ban giám hiệu, các phòng ban có liên quan và CB-GV-CNV Trường Mầm non Trung Lập Hạ thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Lưu: VT.



Nguyễn Thị Minh Thu

Củ Chi, ngày 02 tháng 7 năm 2024

BIÊN BẢN

**Niêm yết công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách nhà nước
quý II/2024 và các khoản thu chi tại đơn vị
theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC và Thông tư 90/2018/TT-BTC**

1. Thời gian: 08 giờ 00 phút, ngày 02 tháng 7 năm 2024

2. Địa điểm: Trụ sở Trường Mầm non Trung Lập Hạ

3. Thành phần:

- Bà Nguyễn Thị Minh Thu – Hiệu trưởng
- Bà Phạm Thị Hồng Nhũ - Phó hiệu trưởng
- Bà Lý Thị Hồng Vân - Phó hiệu trưởng
- Bà Tô Thị Kiều Phương – Chủ tịch công đoàn
- Bà Nguyễn Thị Kiều Nhi - Tổ trưởng Khối Mầm - Chồi
- Bà Lê Thị Huyền - Tổ trưởng Khối Lá
- Ông Đặng Thanh Nhã – Phục vụ - Tổ trưởng văn phòng - Kiêm văn thư
- Bà Đỗ Thị Ly – Kế toán

4. Nội dung: Lập biên bản niêm yết công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách nhà nước quý II/2024 và các khoản thu chi tại đơn vị theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC và Thông tư 90/2018/TT-BTC

(Kèm theo mẫu biểu)

5. Thời gian, địa điểm niêm yết công khai:

Thời gian: 30 ngày, kể từ ngày 02 tháng 7 năm 2024 đến hết ngày 01 tháng 8 năm 2024

Địa điểm: Tại trụ sở làm việc của đơn vị, trong Hội đồng sư phạm của đơn vị và trang web trường: <https://mntrunglapha.hcm.edu.vn>

Biên bản được lập xong lúc 08 giờ 30 phút, ngày 02 tháng 7 năm 2024./.

**TM. BCH CÔNG ĐOÀN
TRƯỜNG MN TRUNG LẬP HẠ
CHỦ TỊCH**


Tô Thị Kiều Phương

**TM. LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ
HIỆU TRƯỞNG**


Nguyễn Thị Minh Thu

NGƯỜI NIÊM YẾT


Đặng Thanh Nhã

Cù Chi, ngày 02 tháng 07 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 02/2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường Mầm non Trung Lập Hạ công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý 02/2024 như sau:

DV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 02/2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 02/2024 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí (sự nghiệp)	1.989.367.494	890.081.083	44,74%	265,01%
I	Số thu sự nghiệp + số mang sang	1.989.367.494	890.081.083	44,74%	265,01%
1	Học phí	647.877.350	311.772.143		
2	Thiết bị, vật dụng phục vụ bán trú	42.309.300	1.959.300		
3	Tổ chức phục vụ bán trú	625.130.865	274.239.384		
4	Công phục vụ ăn sáng	270.991.915	106.422.295		
5	Thẻ đục nhíp điệu	227.336.584	118.653.804		
6	Tiếng anh	175.721.480	77.034.157		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	1.155.026.766	270.940.611	23,46%	112,92%
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	1.155.026.766	270.940.611	23,46%	112,92%
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.155.026.766	270.940.611	23,46%	112,92%
1	Học phí	238.281.972	21.042.221		
2	Thiết bị, vật dụng phục vụ bán trú	30.000.000	1.959.300		
3	Tổ chức phục vụ bán trú	422.450.609	120.977.200		
4	Công phục vụ ăn sáng	194.294.185	40.529.940		
5	Thẻ đục nhíp điệu	135.000.000	41.906.400		
6	Tiếng anh	135.000.000	44.525.550		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	7.831.737.000	1.873.428.770	23,92%	184,72%
I	Nguồn ngân sách trong nước	7.831.737.000	1.873.428.770	23,92%	184,72%
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	7.831.737.000	1.873.428.770	23,92%	184,72%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.491.011.000	809.585.392	23,19%	106,90%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4.340.726.000	1.063.843.378	24,51%	118,68%

Ngày 02 tháng 7 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)



Nguyễn Thị Minh Thu

Người ký: Ngô Thị Bích Vân
Ngày ký: 04/07/2024 15:30:44
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: KBNN Củ Chi - TP Hồ
Chi Minh
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối
chiếu xác nhận số dư



Mẫu số 20a
Ký hiệu: 01a-SDKP/BVDT

Mã chương: 622
Đơn vị: Trường Mầm non Trung Lập Hạ
Mã ĐVQHNS: 1038474
Mã cấp NS: 3

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Quý 2 /Năm 2024

Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
12	071	00000	0	1.297.351.000	0	1.297.351.000	1.297.351.000	303.548.974	618.114.415	0	0	0	679.236.585
13	071	00000	317.496.417	3.491.011.000	0	3.491.011.000	3.808.507.417	809.585.392	1.538.073.554	0	0	0	2.270.433.863
14	071	00000	43.061.683	3.043.375.000	0	3.043.375.000	3.086.436.683	760.294.404	889.673.129	0	0	0	2.196.763.554
Cộng:			360.558.100	7.831.737.000	0	7.831.737.000	8.192.295.100	1.873.428.770	3.045.861.098	0	0	0	5.146.434.002
Phần KBNN ghi:													

Ghi chú: KBNN chi ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Kế toán
Ngày 4 tháng 7 năm 2024
Kế toán trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Ngô Hoàng Lâm

Người ký: Ngô Thị Bích Vân
Ngày ký: 04/07/2024 15:30:44
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: KBNN Củ Chi - TP Hồ Chí Minh

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Kế toán trưởng
Ngày 4 tháng 7 năm 2024
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Ngô Thị Bích Vân
Ngày ký: 04/07/2024 15:30:44
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: Trường Mầm non Trung Lập Hạ

Người ký: Ngô Thị Bích Vân
Ngày ký: 04/07/2024 15:30:44
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: KBNN Củ Chi - TP Hồ
Chi Minh
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối
chiếu xác nhận số dư



Mã chương: 622

Đơn vị: Trường Mầm non Trung Lập Hạ

Mã DVQHNS: 1038474

Mã cấp NS: 3

Mẫu số 20c

Ký hiệu: 02a-SDKP/DVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 2 /Năm 2024

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Phụ cấp thu hút	12	071	6103	00000	0	0	0	58.200.000	0	58.200.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	12	071	6115	00000	0	0	33.959.402	69.472.912	33.959.402	69.472.912
Phụ cấp đặc biệt khác của ngành	12	071	6116	00000	0	0	0	109.586.250	0	109.586.250
Bảo hiểm xã hội	12	071	6301	00000	0	0	5.837.746	11.896.398	5.837.746	11.896.398
Bảo hiểm y tế	12	071	6302	00000	0	0	1.030.192	2.081.828	1.030.192	2.081.828
Kinh phí công đoàn	12	071	6303	00000	0	0	686.790	1.387.879	686.790	1.387.879
Bảo hiểm thất nghiệp	12	071	6304	00000	0	0	343.398	693.944	343.398	693.944
Các khoản đóng góp khác	12	071	6349	00000	0	0	171.696	247.604	171.696	247.604
Chi khác	12	071	6449	00000	0	0	261.519.750	364.547.600	261.519.750	364.547.600
Lương theo ngạch, bậc	13	071	6001	00000	0	0	350.439.455	691.214.831	350.439.455	691.214.831
Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	13	071	6051	00000	0	0	78.317.196	155.582.796	78.317.196	155.582.796
Phụ cấp chức vụ	13	071	6101	00000	0	0	6.109.002	12.292.505	6.109.002	12.292.505
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	071	6112	00000	0	0	119.723.362	234.987.900	119.723.362	234.987.900
Phụ cấp theo nghề, theo công việc	13	071	6113	00000	0	0	596.000	894.000	596.000	894.000
Chi khác	13	071	6299	00000	0	0	102.000.000	102.000.000	102.000.000	102.000.000
Bảo hiểm xã hội	13	071	6301	00000	0	0	77.812.102	149.855.904	77.812.102	149.855.904

Bảo hiểm y tế	13	071	6302	00000	0	0	13.595.948	25.748.012	13.595.948	25.748.012
Kinh phí công đoàn	13	071	6303	00000	0	0	9.331.657	17.433.033	9.331.657	17.433.033
Bảo hiểm thất nghiệp	13	071	6304	00000	0	0	4.531.984	8.582.674	4.531.984	8.582.674
Các khoản đóng góp khác	13	071	6349	00000	0	0	2.266.005	2.954.679	2.266.005	2.954.679
Chi khác	13	071	6449	00000	0	0	0	46.800.000	0	46.800.000
Tiền điện	13	071	6501	00000	0	0	17.948.986	28.080.427	17.948.986	28.080.427
Mua sắm công cụ dụng cụ văn phòng	13	071	6552	00000	0	0	6.820.000	6.820.000	6.820.000	6.820.000
Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại); thuê bao đường điện thoại; fax	13	071	6601	00000	0	0	66.293	110.391	66.293	110.391
Khoản điện thoại	13	071	6618	00000	0	0	2.300.000	4.400.000	2.300.000	4.400.000
Khác	13	071	6649	00000	0	0	3.020.600	7.820.600	3.020.600	7.820.600
Phụ cấp công tác phí	13	071	6702	00000	0	0	300.000	300.000	300.000	300.000
Khoản công tác phí	13	071	6704	00000	0	0	5.400.000	10.500.000	5.400.000	10.500.000
Thuê lao động trong nước	13	071	6757	00000	0	0	5.381.802	5.381.802	5.381.802	5.381.802
Thuê đào tạo lại cán bộ	13	071	6758	00000	0	0	3.000.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000
Các thiết bị công nghệ thông tin	13	071	6912	00000	0	0	0	11.979.000	0	11.979.000
Chi mua hàng hóa, vật tư	13	071	7001	00000	0	0	625.000	6.835.000	625.000	6.835.000
Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	13	071	7053	00000	0	0	0	4.500.000	0	4.500.000
Lương theo ngạch, bậc	14	071	6001	00000	0	0	72.849.696	143.233.225	72.849.696	143.233.225
Phụ cấp chức vụ	14	071	6101	00000	0	0	1.271.001	2.557.501	1.271.001	2.557.501
Phụ cấp ưu đãi nghề	14	071	6112	00000	0	0	24.908.889	48.688.293	24.908.889	48.688.293
Phụ cấp theo nghề, theo công việc	14	071	6113	00000	0	0	124.000	186.000	124.000	186.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	14	071	6115	00000	0	0	7.067.697	14.171.796	7.067.697	14.171.796
Bảo hiểm xã hội	14	071	6301	00000	0	0	14.242.861	27.457.584	14.242.861	27.457.584
Bảo hiểm y tế	14	071	6302	00000	0	0	2.513.451	4.801.569	2.513.451	4.801.569
Kinh phí công đoàn	14	071	6303	00000	0	0	1.675.625	3.201.034	1.675.625	3.201.034
Bảo hiểm thất nghiệp	14	071	6304	00000	0	0	837.817	1.600.524	837.817	1.600.524
Các khoản đóng góp khác	14	071	6349	00000	0	0	418.930	551.562	418.930	551.562

Chi khác		14	071	6449	00000	0	0	634.384.437	643.224.041	634.384.437	643.224.041
Phần KBNN ghi:					Cộng:	0	0	1.873.428.770	3.045.861.098	1.873.428.770	3.045.861.098

Ghi chú: KBNN chi ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.
Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 4 tháng 7 năm 2024

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Ngô Hoàng Lâm

Người ký: Van Ngo Thi Bich 03
Ngày ký: 04/07/2024 15:39:44
Chức vụ: Phó Giám đốc
Đơn vị: KBNN/C.T. - TT.T. Cục Cảnh Sát

Van Ngo Thi Bich 03

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 4 tháng 7 năm 2024

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Minh Thu

Người ký: Đỗ Thị LY
Ngày ký: 04/07/2024 14:28
Chức vụ: Trưởng phòng Kế toán
Đơn vị: Trường Mầm non Trưng Vương

ĐỖ THỊ LY

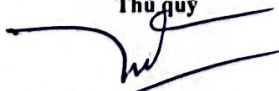
BÁO CÁO THU CHI TÀI CHÍNH
THÁNG 4 NĂM 2024

STT	DIỄN GIẢI	Tồn trước chuyển sang	Thu tháng 04/2024	Chi tháng 04/2024	Tồn tháng 04/2024	
1	Ngân sách	7.019.822.772	0	374.517.566	6.645.305.206	
2	Học phí (tồn kho bạc)	180.092.143	65.830.000	4.478.021	241.444.122	
3	Quỹ bổ sung thu nhập, dự phòng ổn định thu nhập	0	0	0	0	
4	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	8.681.091	0	5.075.000	3.606.091	
5	Quỹ phúc lợi	2.846.595	0	0	2.846.595	
6	Quỹ khen thưởng	11.641.323	0	0	11.641.323	
7	Quỹ chăm sóc sức khỏe ban đầu	13.643.748	0	0	13.643.748	
8	Quỹ bán trú	620.551.901	404.371.936	451.959.050	572.964.787	Trong đó CCTL
	Trích CCTL tại đơn vị	0	0	0	0	151.699.211
1	Học phí	65.830.000	32.850.000	65.830.000	32.850.000	
2	Tổ chức phục vụ QLBT	69.639.384	65.200.000	54.362.150	80.477.234	53.796.059
3	TBVD phục vụ bán trú	1.959.300	0	1.959.300	0	0
4	Tiền công chăm sóc ăn sáng	51.723.895	20.706.000	17.829.380	54.600.515	24.606.816
5	Thẻ đục nhịp điệu	75.390.804	17.385.000	27.952.800	64.823.004	52.590.904
6	Tiền tiếng anh	42.207.157	17.385.000	14.971.050	44.621.107	20.705.432
7	Nước uống	6.566.680	5.644.000	5.686.200	6.524.480	
8	Tiền ăn (trưa, xế)	237.301.880	194.880.000	208.723.510	223.458.370	
9	Tiền ăn sáng	51.034.660	42.630.000	45.694.660	47.970.000	
10	Học phẩm, học cụ	0	0	0	0	
11	Trông giữ xe phụ huynh	900.000	7.600.000	8.450.000	50.000	
12	Quỹ PTHĐ sự nghiệp	3.477.576	91.936		3.569.512	
13	Quỹ phúc lợi	14.520.565		500.000	14.020.565	
14	Phí bảo hành	0	0	0	0	
15	BHTN	0				

Ngày 30 tháng 4 năm 2024

Kế toán

Nguyễn Thị Đỗ Quyên

Thủ quỹ

Võ Thị Tú Trinh

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Minh Thu

BÁO CÁO THU CHI TÀI CHÍNH
THÁNG 5 NĂM 2024

STT	DIỄN GIẢI	Tồn trước chuyển sang	Thu tháng 05/2024	Chi tháng 05/2024	Tồn tháng 05/2024	
1	Ngân sách	6.645.305.206	0	1.045.014.109	5.600.291.097	
2	Học phí (tồn kho bạc)	241.444.122	65.850.000	15.534.600	291.759.522	
3	Quỹ bổ sung thu nhập, dự phòng ổn định thu nhập	0	0	0	0	
4	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	3.606.091	0	0	3.606.091	
5	Quỹ phúc lợi	2.846.595	0	0	2.846.595	
6	Quỹ khen thưởng	11.641.323	0	0	11.641.323	
7	Quỹ chăm sóc sức khỏe ban đầu	13.643.748	0	0	13.643.748	
8	Quỹ bán trú	572.964.787	422.321.645	682.950.110	312.336.322	Trong đó CCTL
	Trích CCTL tại đơn vị	0	0	0	0	151.699.211
1	Học phí	32.850.000	33.000.000	65.850.000	0	
2	Tổ chức phục vụ QLBT	80.477.234	65.400.000	55.001.100	90.876.134	53.796.059
3	TBVD phục vụ bán trú	0	0	0	0	0
4	Tiền công chăm sóc ăn sáng	54.600.515	22.106.800	22.700.560	54.006.755	24.606.816
5	Thẻ dục nhip điệu	64.823.004	17.442.000	0	82.265.004	52.590.904
6	Tiền tiếng anh	44.621.107	17.442.000	29.554.500	32.508.607	20.705.432
7	Nước uống	6.524.480	5.661.000	12.185.480	0	
8	Tiền ăn (trưa, xế)	223.458.370	208.064.000	400.062.180	31.460.190	
9	Tiền ăn sáng	47.970.000	45.514.000	89.996.290	3.487.710	
10	Học phẩm, học cụ	0	0	0	0	
11	Trông giữ xe phụ huynh	50.000	7.600.000	7.600.000	50.000	
12	Quỹ PTHĐ sự nghiệp	3.569.512	91.845	0	3.661.357	
13	Quỹ phúc lợi	14.020.565	0	0	14.020.565	
14	Phí bảo hành	0	0	0	0	
15	BHTN	0	0	0	0	

Ngày 31 tháng 5 năm 2024

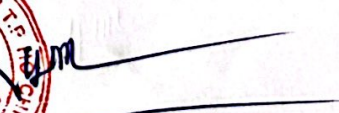
Kế toán

Nguyễn Thị Đỗ Quyền

Thủ quỹ

Võ Thị Tú Trinh

HIỆU TRƯỞNG


Nguyễn Thị Minh Thu

BÁO CÁO THU CHI TÀI CHÍNH
THÁNG 6 NĂM 2024

STT	DIỄN GIẢI	Tồn trước chuyển sang	Thu tháng 06/2024	Chi tháng 06/2024	Tồn tháng 06/2024	
1	Ngân sách	5.600.291.097	0	453.897.095	5.146.394.002	
2	Học phí (tồn kho bạc)	291.759.522		1.029.600	290.729.922	
3	Quỹ bổ sung thu nhập, dự phòng ổn định thu nhập	0	0	0	0	
4	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	3.606.091	0	0	3.606.091	
5	Quỹ phúc lợi	2.846.595	0	0	2.846.595	
6	Quỹ khen thưởng	11.641.323	0	0	11.641.323	
7	Quỹ chăm sóc sức khỏe ban đầu	13.643.748	0	0	13.643.748	
8	Quỹ bán trú	312.336.322	236.958.342	60.515.850	488.778.814	Trong đó CCTL
	Trích CCTL tại đơn vị	0	0	0	0	151.699.211
1	Học phí	0	0	0	0	
2	Tổ chức phục vụ QLBT	90.876.134	74.000.000	11.613.950	153.262.184	53.796.059
3	TBVD phục vụ bán trú	0	0	0	0	0
4	Tiền công chăm sóc ăn sáng	54.006.755	11.886.400	0	65.893.155	24.606.816
5	Thẻ đục nhíp điều	82.265.004	8.436.000	13.953.600	76.747.404	52.590.904
6	Tiền tiếng anh	32.508.607	0	0	32.508.607	20.705.432
7	Nước uống	0	2.584.000	0	2.584.000	
8	Tiền ăn (trưa, xế)	31.460.190	111.872.400	31.460.590	111.872.000	
9	Tiền ăn sáng	3.487.710	24.472.000	3.487.710	24.472.000	
10	Học phẩm, học cụ	0	0	0	0	
11	Trông giữ xe phụ huynh	50.000	3.650.000	0	3.700.000	
12	Quỹ PTHĐ sự nghiệp	3.661.357	57.542	0	3.718.899	
13	Quỹ phúc lợi	14.020.565	0	0	14.020.565	
14	Phí bảo hành	0	0	0	0	
15	BHTN	0	0	0	0	

Ngày 02 tháng 7 năm 2024

Kế toán



Đỗ Thị Ly

Thủ quỹ



Võ Thị Tú Trinh

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Minh Thu